

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 04/12/2020

V/v : Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH H

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Huy T.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng C và Ông Đoàn Xuân T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 và ngày 04/12/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V; sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Đ, tỉnh H; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn H; sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Đ Thọ, tỉnh H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2020 và bản tự khai tại hồ sơ, chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V kết hôn với anh Võ Văn H trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (Nay là xã A), huyện Đ, tỉnh H vào ngày 08/11/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm việc tại thôn T, xã A, huyện Đ, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được khoảng một năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống với nhau. Nay chị V thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng được ly hôn với anh H.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có 03 con chung là Võ Thị Quỳnh G, sinh ngày 25/8/2005; Võ Trang N, sinh ngày 13/11/2013 và Võ Ngọc H, sinh ngày 28/12/2015. Chị Nguyễn Thị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Trang N và cháu Võ Ngọc H, đồng thời giao cháu Võ Thị Quỳnh G cho anh Võ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho tới tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Võ Văn H vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn hiện cư trú tại xã A, huyện Đ, tỉnh H. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh H.

Quá trình giải quyết vụ án anh Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do; tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị V có đơn xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H, chị V theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Chị Nguyễn Thị V và anh Võ Văn H kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đúng pháp luật, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ (Nay là xã A), huyện Đ, tỉnh H vào năm 2004 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị V thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài. Về phía anh Võ Văn H, Tòa án đã triệu tập anh H tham gia các buổi làm việc, phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị V và anh H hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh H đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị V. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Võ Văn H, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con

Căn cứ vào các giấy khai sinh số 69/2005, ngày 28/9/2005; số 13 ngày 29/02/2016; số 116 ngày 12/12/2013, vợ chồng chị V, anh H có 03 con chung là Võ Thị Quỳnh G, sinh ngày 25/8/2005; Võ Trang N, sinh ngày 13/11/2013 và Võ Ngọc H, sinh ngày 28/12/2015. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Trang N và cháu Võ Ngọc H, đồng thời giao cháu Võ Thị Quỳnh G cho anh Võ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho tới tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu Võ Ngọc H tuổi còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, cháu Võ Trang N có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện nay hai cháu đang sống với chị V; cháu Võ Thị Quỳnh G hiện nay đang sống với anh H và có nguyện vọng được ở với bố. Thu nhập bình quân hàng tháng của chị Vân là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), cũng đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cho hai con chung. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Võ Trang N và cháu Võ Ngọc H cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Võ Thị Quỳnh G cho anh Võ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Nguyễn Thị V, anh Võ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị V, anh Võ Văn H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản và khoản nợ chung

Chị Nguyễn Thị V, anh Võ Văn H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo

Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị V, anh Võ Văn H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Võ Văn H.

2. Giao con chung là Võ Trang N, sinh ngày 13/11/2013 và Võ Ngọc H, sinh ngày 28/12/2015 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung là Võ Thị Quỳnh G, sinh ngày 25/8/2005 cho anh Võ Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị V, anh Võ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền trên chị V đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền số 0006078 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh H.

4. Chị Nguyễn Thị V, anh Võ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn thư.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy T